

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG XUÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2021

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Cư

2. Ông Hồ Ngọc Ánh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Ba – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hải L – Sinh năm: 1988

*Địa chỉ:* Thôn Đ, xã Q 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*- Bị đơn:* Anh Đàm Văn C – Sinh năm: 1986

*Địa chỉ:* Thôn Đ, xã Q 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải L tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đàm Văn C tự nguyện tìm hiểu hơn 01 năm và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 15/11/2007. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó anh C đi làm và có tình cảm với người phụ nữ khác. Đã 05 năm trôi qua, chị vẫn cố gắng khuyên nhủ anh C để cùng chăm sóc gia đình, tuy nhiên anh C vẫn tiếp tục có quan hệ tình cảm

bên ngoài. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là Đàm Thị Như Y – Sinh năm 2008 và Đàm Anh U – Sinh năm 2015. Tại phiên tòa, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng cho hai con chung, mỗi con chung 1.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Đàm Văn C để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không có mặt. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để anh C tham gia phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

\* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì;

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải L;

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao con chung là cháu Đàm Thị Như Y – Sinh năm 2008 và Đàm Anh U – Sinh năm 2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng cho cháu Y và cháu U, mỗi cháu 1.000.000đ/tháng;

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm, anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hải L yêu cầu ly hôn với anh Đàm Văn C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Anh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt thông báo về phiên họp tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa

giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với anh C theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải L và anh Đàm Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 15/11/2007 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, cả hai anh chị sống chung với nhau trên 10 năm, trong quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh C thường xuyên đi làm xa, ít khi có mặt ở nhà. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh ông Võ Xuân Lộc – Trưởng thôn Đ, xã Q 3, ông Lộc cung cấp: Anh C thường xuyên đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương và hiện nay cũng không có mặt tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung: Đàm Thị Như Y – Sinh năm 2008 và Đàm Anh U – Sinh năm 2015. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng cho hai con chung, mỗi cháu một triệu đồng/một tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Y và cháu U đang ở với chị L, chị L làm thuê có thu nhập có khả năng chăm sóc cho hai cháu nên giao cháu Y và cháu U cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng cho hai con chung, mỗi tháng một triệu đồng cho hai cháu. HĐXX xét thấy anh C làm nghề đưa, có thu nhập cao nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Buộc anh C cấp dưỡng cho cháu Y và cháu U mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng phát sinh từ lúc bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí HNGĐ-ST, anh C phải chịu án phí DS-ST về phần cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

**Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải L.**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải L được ly hôn với anh Đàm Văn C.

[2] Về con chung: Giao hai con chung là Đàm Thị Như Y – Sinh năm 2008 và Đàm Anh U – Sinh năm 2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đàm Văn C cấp dưỡng cho hai con Đàm Thị Như Y và Đàm Anh U, mỗi cháu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Hải L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2015/0011444 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Anh Đàm Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí DS-ST.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hải L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đàm Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã XQ3;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Ngọc Trung**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Cư**

**Hồ Ngọc Ánh**

**Trần Ngọc Trung**

